

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS- PT

Ngày 27/3/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/TLPT- DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 12/2018/DSST, ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện GB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2019/QĐ- PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn GP, xã BD, huyện GB, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Kim Th; Ông Nguyễn Thế H; Bà Nguyễn Thị T – Luật sư - Công ty luật TNHH một thành viên QTC - Đoàn luật sư thành phố HN. Có mặt.

* Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã BD, huyện GB, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh P - Luật sư công ty luật trách nhiệm hữu hạn A P, đoàn luật sư thành phố HN. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Đình A, sinh năm 1960 và chị Trần Thị C, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Thôn GP, xã BD, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

2. Anh Lưu Văn Hợp, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn B, xã BD, huyện GB, tỉnh BN. Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Vũ Thị Ch trình bày: Ngày 11/12/2017, chị có cho chị Lê Thị T vay số tiền 200 triệu đồng khi vay giữa hai bên có viết giấy biên nhận và có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau nếu cần thì báo trước vài ngày. Trước khi chị khởi kiện đến Tòa án khoảng 15 ngày chị đã nhiều lần đến đòi tiền chị T xong chị T không trả. Nay chị khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả chị số tiền gốc đã vay là 200.000.000đ và tiền lãi chị và chị T đã chốt với nhau là 6.000.000đ. Chị T xin chị trả dần tiền gốc và không phải trả lãi chị không đồng ý.

Bị đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị thừa nhận có vay chị Chuyên số tiền 200 triệu đồng và tiền lãi là 6 triệu đồng. Chị đồng ý trả chị Chuyên 206 triệu đồng nhưng chị xin trả dần và xin không phải trả lãi.

Chị không đồng ý quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GB. Vì thừa đất mà Tòa án áp dụng để phong tỏa chị làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh An, chị C vào ngày 09/7/2018 và đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Chị cũng đã nhận tiền đầy đủ của anh An, chị C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đình A và chị Trần Thị C trình bày: Ngày 09/7/2018, anh chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m² của anh H, chị T và anh chị cũng đã trả đủ số tiền cho anh H, chị T. Sau đó, vợ chồng anh có đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện GB làm thủ tục sang tên thì được biết thửa đất mà anh chị mua của anh H, chị T đã bị Tòa án nhân dân huyện GB áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản. Anh chị đề nghị Tòa án xem xét quyết định này vì tài sản này anh chị đã mua hợp pháp của anh H, chị T.

Anh Lưu Văn Hợp trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T. Việc vợ anh vay tiền của chị Chuyên anh không biết và không có liên quan gì.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T và có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị Ch số tiền 200.000.000đ và 06 triệu đồng tiền lãi, tổng cộng là 206.000.000đ.

Trả cho chị Vũ Thị Ch 01 sổ tiết kiệm số 000.1147.3556 ngày 26/8/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện GB.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2018, chị Lê Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Vũ Thị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy: Ngày 11/12/2017 âm lịch chị Lê Thị T có vay chị Vũ Thị Ch số tiền 200 triệu đồng. Sau đó, ngày 09/5/2018 hai bên chốt lãi thì chị T còn nợ chị Chuyên 6.000.000đ tiền lãi. Nay chị Chuyên khởi kiện yêu cầu chị T trả chị số nợ gốc là 200 triệu đồng và lãi là 6 triệu đồng. Chị T xác nhận số nợ gốc và lãi như chị Chuyên trình bày là đúng và đồng ý trả nợ gốc nhưng xin trả dần còn xin không phải trả lãi. Như vậy, có thể khẳng định chị T có vay tiền chị Chuyên và Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T trả số tiền gốc và lãi cho chị Chuyên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Chị T kháng cáo cho rằng chị Chuyên khởi kiện chị và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là không đúng bởi chị Chuyên không báo trước cho chị khi khởi kiện. Tuy nhiên, theo như chị Chuyên trình bày thì trước khi khởi kiện ra Tòa án chị nhiều lần đòi tiền chị T nhưng chị T không trả do vậy chị Chuyên mới khởi kiện ra Tòa án. Tại Tòa án cấp sơ thẩm chị T cũng thừa nhận số nợ và không có ý kiến gì mà chỉ xin trả dần và xin không phải trả lãi. Do vậy, kháng cáo của chị T cho rằng vụ án không đủ điều kiện thụ lý mà Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và xét xử là không có căn cứ để chấp nhận nên cần bác toàn bộ kháng cáo của chị T.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng có một số lỗi cần rút kinh nghiệm trong vụ án này như bản án, biên bản nghị án, biên bản phiên toà không đóng dấu giáp lai; bản sao có chữ ký của thẩm phán giải quyết vụ án nhưng không đóng dấu quốc huy cũng như dấu chức danh; biện pháp khẩn cấp tạm thời là một biện pháp riêng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định trong bản án và tuyên trả sổ tiết kiệm cho người đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng. Hơn nữa, khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không yêu cầu người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nộp tiền vào tài khoản bảo đảm mà lại yêu cầu họ nộp tiền vào sổ tiết kiệm; khi yêu cầu họ nộp tiền bảo đảm không có căn cứ gì để ấn định số tiền nộp. Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị Ch 200 triệu đồng tiền gốc và 06 triệu đồng tiền lãi. Tổng cộng là 206 triệu đồng (Hai trăm linh sáu triệu đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 10.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001443 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

Chị Vũ Thị Ch không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Vũ Thị Ch 5.225.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001360 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GB.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện GB;
- Chi cục THADS huyện GB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình